

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 23-5-2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiêu.

2. Bà Lê Thị Trúc Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024, về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

2/ Bà Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Công C trình bày: Nguyên vào ngày 16/6/2021 bà Phạm Thị Kiều O có vay của nguyên đơn số tiền 90.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 10 ngày, mục đích vay

để trả nợ đáo hạn ngân hàng, sinh hoạt trong gia đình, có biên nhận nợ ngày 16/6/2021 do bà O ký tên vào biên nhận. Sau 10 ngày nguyên đơn có gặp bị đơn để yêu cầu trả nợ nhưng bà O hứa hẹn nhưng không trả số tiền trên. Bị đơn vẫn còn nợ nguyên vốn là 90.000.000đồng. Ông Nguyễn Hữu T là chồng của bà Phạm Thị Kiều O, việc bà O vay số tiền trên nhằm vào mục đích chung của gia đình nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T và bà O cùng có trách nhiệm trả.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Kiều O có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 90.000.000đồng, không yêu cầu lãi suất.

Sau khi thụ lý đơn của ông Nguyễn Công C, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Kiều O không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại trích lục kết hôn số 08/TLKH-BS ngày 24/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long xác nhận bà Phạm Thị Kiều O và ông Nguyễn Hữu T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 31/5/2005.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày trên.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Kiều O vắng mặt.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Công C.

Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kiều O có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Công C số tiền còn nợ là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kiều O có nghĩa vụ nộp 4.500.000đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Công C số tiền tạm ứng án phí 2.250.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Công C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kiều O, cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long trả số tiền vay còn nợ. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kiều O vắng mặt nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Công C cho rằng có cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kiều O vay số tiền 90.000.000đồng, thời hạn vay là 07 ngày, mục đích vay để trả nợ đáo hạn ngân hàng, sinh hoạt trong gia đình, có biên nhận nợ ngày 16/6/2021 do bà O ký tên vào biên nhận do vậy sự việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn là thực tế có xảy ra. Mặt khác Tòa án có Thông báo cho bị đơn về việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được yêu cầu, ý kiến của bị đơn. Do vậy việc ông Chính khởi kiện là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kiều O là vợ chồng có đăng ký kết hôn, tuy biên nhận chỉ có bà O ký tên nhưng mục đích vay là để phục vụ chung của gia đình nên ông T phải có nghĩa vụ cùng với bà O trả số tiền 90.000.000đồng cho ông Chính là phù hợp với Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T, bà O có nghĩa vụ nộp 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả nợ là 90.000.000đồng x 5% bằng 4.500.000đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công C.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kiều O có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Công C số tiền còn nợ vốn 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kiều O có nghĩa vụ nộp 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Công C số tiền tạm ứng án phí số tiền 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0011843 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Kiều O vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Trà Ôn;
- Dương sự;
- Chi cục Thi hành án huyện Trà Ôn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Thị Tuyên